

Số: 68 /TTr-UBND

Sông Công, ngày 26 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 13)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: số 104/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 10/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 52/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 55/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 5); số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 6); số 21/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 7); số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 8); số 18/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 9); số 34/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 10); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn

giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 12);

UBND thành phố trình HĐND thành phố khoá VIII, kỳ họp thứ 26 (kỳ họp chuyên đề) điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công như sau:

1. Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách thành phố Sông Công từ 2.485.540 triệu đồng lên 2.492.746 triệu đồng, tăng 7.206 triệu đồng, trong đó:

- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách hàng năm... chi cho đầu tư từ 607.602 triệu đồng lên 614.808 triệu đồng, tăng 7.206 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục I đính kèm)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công

2.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn với số tiền là 92.057 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc: 20.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1): 20.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2): 20.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn các dự án cải tạo, xây dựng trụ sở theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với số tiền là 25.807 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Trụ sở công an xã Tân Quang: 7.414 triệu đồng.

+ Dự án Trụ sở công an xã Bình Sơn: 7.000 triệu đồng.

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp Hội trường và Nhà một cửa xã Bình Sơn: 3.167 triệu đồng.

+ Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thành phố và Trung tâm văn hoá thể thao và Truyền thông thành phố: 8.226 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Lắp đặt đèn trang trí và chiếu sáng trên các tuyến đường trung tâm thành phố: 3.650 triệu đồng do dự án giảm tổng mức đầu tư.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với dự án Khu đô thị TDP Nguyễn Gon: 2.600 triệu đồng do dự án giảm tổng mức đầu tư.

2.2. Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án với số tiền là 99.264 triệu đồng, cụ thể:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Đường đô thị dọc Sông Công: 20.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu đô thị số 3, phường Mỏ Chè: 20.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thắng Lợi) - (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu B: 20.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu đô thị số 2, phường Cải Đan: 9.892 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bá Xuyên, thành phố Sông Công: 4.734 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Điện chiếu sáng đoạn từ nhà văn hóa Vinh Quang 3 đi đập Líp: 600 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa đường bê tông đoạn từ đường CMT8 đi trường mầm non số 2: 700 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo hạ tầng khu dân cư đường Thống Nhất - khu B: 2.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo vỉa hè khu dân cư An Châu 2: 600 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn thành phố: 7.138 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa đường Cách mạng Tháng Mười: 8.000 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa đường Lương Sơn - Thượng Đình: 2.400 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa đường từ UBND xã Bình Sơn đi cầu Bình Sơn: 1.200 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, mở rộng đường bê tông xóm

Na Vùng: 900 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án Cải tạo, sửa chữa đường WB3 và đường ĐH05: 1.100 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục II đính kèm)

Trên đây là điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 13)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Lưu: VP, TCKH.
Tramnn.BC.....b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

**Phụ lục I: ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 68 /TTr-UBND ngày 26 / 3 /2025 của UBND thành phố Sông Công)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
	TỔNG CỘNG	2.591.100	7.206		2.598.306	
I	Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp huyện	105.560			105.560	
II	Nguồn vốn ngân sách thành phố	2.485.540	7.206		2.492.746	0
1	Nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất	1.570.681			1.570.681	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025</i>	<i>1.538.133</i>			<i>1.538.133</i>	
-	<i>Chuyển nguồn tiền sử dụng đất năm 2020 sang năm 2021</i>	<i>32.548</i>			<i>32.548</i>	
2	Nguồn XDCB khác ngân sách thành phố	914.860	7.206		922.066	
-	<i>Nguồn vốn từ chuyển nguồn, vượt thu, kết dư ngân sách</i>	<i>607.602</i>	<i>7.206</i>		<i>614.808</i>	
-	<i>Nguồn bổ sung, hỗ trợ NS tỉnh</i>	<i>307.257</i>			<i>307.257</i>	

Phụ lục II: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công)

(Kèm theo Tờ trình số: 68/TT-UBND ngày 26/3/2025 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Danh mục dự án	Chức năng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán		Lấy số địa chỉ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025													Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Số chủ vốn còn lại	Ghi chú			
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Năm 2025									Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						
								Tổng cộng	Tổng	Trong đó:				Tổng	KHV đã phân bổ			KHV dự kiến phân bổ										
										Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Tiền sử dụng đất	KHV kéo dài năm 2024 chuyển sang	Ngân sách tình hình mục tiêu	Tăng thu, tái kiểm chi	Tăng thu nền sử dụng đất	Khi dự ngân sách đã phân bổ						Ngân sách tiếp tục phân bổ	Tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, không có nhiệm vụ chi	
TỔNG CỘNG						4.844.398	349.586	2.485.540	2.445.587	1.216.790	193.833	430.340	403.191	189.425	1.228.797	488.556	19.384	122.498	39.706	175.564	336.056	7.206	39.827	99.264	92.057	2.492.746	47.159	
I	Trả nợ ngân sách tỉnh					-	10.891	10.891	10.891	-	10.891	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.891	0	
1	Đường nội thị thị xã Sông Công đoạn từ đường CMT8 đến DT 262	Trung tâm Phát triển quỹ đất	2010-2016				10.891	10.891	10.891		10.891															10.891	0	
II	Bổ sung vốn đầu tư quy hoạch hỗ trợ Hội nông dân thành phố Sông Công	Hội nông dân thành phố Sông Công	2021-2025				900	900	900		300	300	300	-												900	0	
III	Nguồn vốn ngân sách thành phố đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia		2022-2025				7.452	7.452	4.957		627	815	3.515	2.495	2.495											7.452	0	
IV	Dự kiến bổ trợ hỗ trợ xây dựng hệ tầng nông thôn các xã phường		2021-2025				82.868	82.868	61.514	17.272	20.077	10.917	13.251	21.352	8.034					13.318						82.868	0	
V	Nhiệm vụ quy hoạch						62.089	1.835	50.987	50.987	37.490	6.260	13.652	8.002	9.576	13.498	8.882	0	0	0	0	4.616	0	0	0	0	50.987	0
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2022	770-10/5/2019		3.612	735	2.405	2.405	2.405		1.413	973	18	-											2.405	0	
3	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	2276-20/11/2019		360		339	339	339	250	59	30													339	0	
4	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Bạch Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	2275-20/11/2019		450		428	428	428	250	138	40													428	0	
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2019 - 2021	1984-04/10/2019		384		369	369	369	323	33	11													369	0	
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Phố Cù, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	211-18/2/2020		371		365	365	282	250		32		83											365	0	
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	210-18/2/2020		2.101		2.026	2.026	1.843	800	906		137	183											2.026	0	
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	330-10/3/2020		280		265	265	265	100	140	25													265	0	
9	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2020 - 2022	212-18/2/2020		4.887	800	3.611	3.611	3.611	1.350		1.394	868												3.611	0	
10	Quy hoạch phân khu Khu vực đô thị Bãi Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2021 - 2023	2139-14/9/2021		1.919		1.772	1.772	1.731	100	880		751	41	41										1.772	0	
11	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái thảo Hồ Ghènh Chè	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2201 - 06/9/2022		6.415		6.045	6.045	3.450		3.400		50	2.595	2.522										6.045	0	
12	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 5 phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	3645 - 21/12/2021		1.094		641	641	641		318	323													641	0	
13	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Quốc lộ 37, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	153 - 14/01/2022		701		695	695	380		172	190	18	315	315										695	0	
14	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở số 4, phường Phố Cù, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1353 - 26/5/2022		1.064		292	292	292		263		29												292	0	
15	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 6 phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	04 - 01/01/2022		695		679	679	579		171	353	55	100											679	0	
16	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 5 Tân Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1340 - 25/5/2022		1.299		742	742	742		302	207	233												742	0	
17	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 3 phường Cải Đan, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1337 - 25/5/2022		1.285		521	521	521		329	192													521	0	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/ quyết toán		Lấy lệ đã bố trí đến hết 31/12/2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025														Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Nhu cầu vốn còn lại	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Tổng cộng	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Năm 2025										Điều chỉnh tăng				Điều chỉnh giảm
									Trong đó:				Tổng	KIV đã phân bổ			KIV dự kiến phân bổ										
									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Tiền sử dụng đất	KIV báo cáo năm 2024 chuyển sang	Ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu	Tổng thu, tiết kiệm chi		Kết dư ngân sách đã phân bổ	Ngân sách của ngân sách cấp học phân bổ	Tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai... không có nhiệm vụ chi						
18	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 4 Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1338 - 25/5/2022	1.195		1.142	1.142	1.025	295	483	247	117										1.142	0			
19	Quy hoạch chi tiết Khu nhà ở số 3 Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1341 - 25/5/2022	1.160		567	567	567	292	251	23	-										567	0			
20	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 6 Tân Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	1339 - 25/5/2022	1.592		819	819	819	412	407		-										819	0			
21	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư số 8 phường Bạch Quang	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	2846 - 23/11/2022	513		100	100	100	100													100	0			
22	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 3 phường Phố Cò, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	526 - 28/02/2022	1.520		883	883	883	367	516		-										883	0			
23	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 2 Lương Sơn, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2024	3361 - 06/12/2021	1.240		1.091	1.091	760	253		508	330				330						1.091	0			
24	Quy hoạch chi tiết khu nhà ở xã hội phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2793 - 11/11/2022	594		509	509	509	94	365	50	-										509	0			
25	Quy hoạch chi tiết khu nhà ở hỗn hợp phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2794 - 11/11/2022	598		125	125	125	125	0		-										125	0			
26	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Nghĩa trang Cải Đan - Phần mở rộng, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	1349 - 26/5/2022	766		673	673	673	350	205	118	-										673	0			
27	Quy hoạch chi tiết Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, xã Tân Quang và xã Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2366 - 30/9/2022, 1764 - 25/9/2023	686		686	686	261	261		0	425	400			25						686	0			
28	Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang xã Bà Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2025	3059 - 14/12/2022	1.390		1.004	1.004	900		346	554	104				104						1.004	0			
29	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu Nghĩa trang Cải Đan, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2022 - 2023	2746 - 08/11/2022	739		739	739	520	148		372	219				219						739	0			
30	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 1, phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2024-2026	465 - 22/3/2024	1.223		1.222	1.222	-				1.222	1.222									1.222	0			
31	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư số 1, phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021 - 2022	2320 - 31/12/2020	587		541	541	541	541			-										541	0			
32	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 1 Lương Sơn, thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022 - 2023	2487 - 06/10/2021	1.284		1.284	1.284	200			200	1.084	1.084									1.284	0			
33	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2021-2022	18 - 07/01/2021; 207 - 04/02/2021	3.221		3.104	3.104	3.104	2.960	144		-										3.104	0			
34	Quy hoạch khai khẩn cù chiêm đầu	Ban chỉ huy quản sự	13/7/1905	2599- 14/10/2021	293		200	200	200	200			-										200	0			
35	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	2020-2022	1911-13/11/2020	348		209	209	209	198	10		-										209	0			
36	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, cấp huyện thành phố Sông Công	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2020	3344 - 17/10/2019, 619- 10/3/2020, 3320- 06/11/2020	1.083		1.057	1.057	1.057	1.057			-										1.057	0			
37	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố sông công	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2022	2367-30/9/2022	1.600		1.518	1.518	1.500		1.500		18	18									1.518	0			
38	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 5, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2024	2178-23/11/2023	2.191		2.176	2.176	386			386	1.790	1.790									2.176	0			
39	Quy hoạch chi tiết Mở rộng khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1591-23/8/2023	1.313		1.312	1.312	1.112		130	982	200				200						1.312	0			
40	Quy hoạch chi tiết Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Bà Xuyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	1592-23/8/2023	1.954		1.954	1.954	1.264			690					690						1.954	0			
41	Quy hoạch chi tiết khu dân cư và khu tái định cư số 5 Bà Xuyên, thành phố Sông Công	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2025	1714-14/9/2023	574		574	574	381			381	193				193						574	0			
42	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sông Công đến năm 2040	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2023-2025	1347-12/7/2023	3.561		3.561	3.561	2.147			2.147	1.413	1.161			253						3.561	0			
43	Quy hoạch chi tiết Trường THPT Sông Công 2	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	2024-2025	503-18/3/2025	329		329	329	-				329	329				0					329	0			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán		Lấy số dự án từ đầu 31/12/2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025																Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Nhu cầu vốn cân lại	Ghi chú		
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Năm 2025												Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm					
								Tổng cộng	Trong đó:				Tổng	KHY đã phân bổ						KHY dự kiến phân bổ										
									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Tiến sử dụng đất	KHY báo cáo năm 2024 chuyển sang	Ngân sách tính bổ sung mục tiêu	Tổng thu thuế, phí	Tổng thu tiền sử dụng đất	Khi dự ngân sách đã phân bổ	Ngân sách dự ngân sách tiếp tục phân bổ	Tiền sử dụng đất chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, không có nhiệm vụ chi									
-	Giao thông đường bộ					206.313	154.281	1.609	1.609	1.609	0	1.609	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.609	0		
66	Đường Thăng Lợi kéo dài, thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2017-2021	413-29/02/2016; 3480-28/11/2017		206.313	154.281	1.609	1.609	1.609																		1.609	0	
*	Học bổng của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					7.953	6.324	100	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	
67	Nhà làm việc các phòng ban và kho lưu trữ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2020	1994-30/10/2018		7.953	6.324	100	100	100																		100	0	
*	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					227.382	64.209	113.590	113.590	113.590	42.727	66.449	4.415	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	113.590	0	
68	Khu dân cư Lê Hồng Phong (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2022	2587a - 31/10/2016		70.020	32.500	101	101	101																		101	0	
69	Khu dân cư TDP 7, 8 phường Mộ Trạch, Hạng mục: Sân chơi, đường giao thông (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2023	2023- 31/10/2018; 1130 28/7/2020; 2167 16/9/2021; 3816 29/12/2021		26.084	11.002	12.158	12.158	12.158	9.500	1.173	1.485															12.158	0	
70	Quy hoạch mở rộng quảng trường và xây dựng Hồ trường thành Ủy Sông Công; Hạng mục: Bồi đắp bãi bồi, trồng cây xanh và hạ tầng khu tái định cư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2023	2024- 31/10/2018; 3926- 31/12/2021; 2229-08/9/2022		115.500	11.000	98.739	98.739	98.739	31.000	65.276	2.463															98.739	0	
71	Khu đô thị đường Lương Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2022	708-23/4/2021		15.778	9.707	2.593	2.593	2.593	2.227																	2.593	0	
V13	Dự án hoàn thành năm 2024					117.642	34.197	61.952	61.952	52.225	16.370	3.910	4.105	27.839	9.727	0	5.310	0	0	0	0	4.417	0	0	0	0	0	61.952	0	
72	Khu đô thị đường Lương Sơn; Hạng mục Khu số 1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2020-2021	2023 -31/10/2018		13.642	4.000	4.221	4.221	3.911	170		667	3.074	310													4.221	0	
73	Khu đô thị đường Lê Hồng Phong (Giai đoạn 3)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2019-2023	2026- 31/10/2018; NQ 95-19/10/2021; 2886- 03/11/2021; 1795-20/7/2022; NQ 08-13/3/2024		45.900	17.534	23.099	23.099	22.399	10.000	3.421	3.029	5.948	700													23.099	0	
74	Khu đô thị đường Lê Hồng Phong (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2018-2022	2020 - 31/10/2018; 2887-03/11/2021		39.100	12.663	16.133	16.133	11.833	6.200	489		5.144	4.300													16.133	0	
75	Xây dựng khu tái định cư cụm công nghiệp B4 Xuân, thành phố Sông Công	Trung tâm Phát triển quỹ đất	2020-2024	1706- 19/10/2020; NQ 28-12/10/2023		19.000		18.500	18.500	14.083			409	13.673	4.417							4.417						18.500	0	
VII	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					3.952.569	0	2.067.174	2.027.220	845.495	73.982	291.811	345.707	133.995	1.181.725	469.146	14.074	122.498	39.706	175.564	313.705	7.206	39.827	99.264	92.057	2.074.380	47.160			
VIII.1	Các dự án đã phê duyệt quyết toán					274.341	0	230.671	230.671	230.671	48.650	126.088	38.487	17.445	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	230.671	0	
*	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					169.415	0	140.934	140.934	140.934	31.032	91.248	15.550	3.104	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	140.934	0	
76	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Bạch Quang, HM Nhà lớp học	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	534 30/3/2021		6.114		5.916	5.916	5.916	4.432	1.484																5.916	0	
77	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Ninh Sơn; Hạng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	533 30/3/2021		6.198		2.500	2.500	2.500		2.500																2.500	0	
78	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Cái Đan; HM Nhà lớp học, phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	NQ 32 22/12/2020; 814 10/5/2021; NQ 67		11.812		4.112	4.112	4.112		4.000	112															4.112	0	
79	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Bình Sơn 1; Hạng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	04/8/2021; 3531 12/02/2021		10.235		9.360	9.360	9.360		9.000	360															9.360	0	
80	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thăng Lợi; Hạng mục: Nhà lớp học	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3528 15/12/2021		14.483		9.000	9.000	9.000		9.000																9.000	0	
81	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bình Sơn; Hạng mục: phòng hành chính quản trị và phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3873 31/12/2021		9.000		8.600	8.600	8.600		7.000	1.600															8.600	0	
82	Cải tạo, nâng cấp trường TH Phố Cổ; Hạng mục: phòng hành chính quản trị và phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	2988 09/11/2021		10.495		10.106	10.106	10.106		8.000	2.106															10.106	0	
83	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lương Sơn; Hạng mục: phòng hành chính quản trị và phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3532 15/12/2021		10.183		9.249	9.249	9.249		5.996	3.253															9.249	0	
84	Trường tiểu học Bình Sơn 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	451 17/02/2022		12.374		5.000	5.000	5.000		5.000																5.000	0	

TT	Đơn vị thực hiện	Chức vụ	Thời gian hoạt động và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quỹ tài trợ	Số ngày, tháng, năm	Tổng số	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 đã giải ngân				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025				Số người, năm giải quyết việc làm	Số người, năm giải quyết việc làm			
							Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024				Tổng	Đã chi trả	Đã chi trả
							Kế hoạch vốn giải ngân		Kế hoạch vốn giải ngân		Kế hoạch vốn giải ngân		Kế hoạch vốn giải ngân						
							2021	2022	2023	2024	2023	2024	2023	2024					
85	Chi tư, nâng cấp trường mầm non Bình Sơn, THA, Nhà lớp học	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	315/03/19/NDU-2021/2021	14/100	12.875	6.212	6.271	391	-	12.875	6.501	5.000	1.501	-	12.875	0		
86	Trường mầm non Lương Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	1997/01/09/2021	30.839	30.892	14.925	14.000	1.967	-	30.892	16.604	14.604	2.000	-	30.892	0		
87	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lương Chiểu, THA, Nhà hội xã, phòng chức năng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	778/4/2021/1193/10/2022	15.736	15.476	5.463	9.296	17	-	15.476	6.501	5.000	1.501	-	15.476	0		
88	Trường mầm non Bình Quang, Hàng mìn; Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	NQ 14 - 15/4/2022-12/04-14/6/2023	6.501	6.501	-	-	-	-	6.501	-	-	-	-	6.501	0		
89	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non số 2; Hàng mìn; Phòng chức năng và phòng hành chính quản trị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	3098/19/11/2021	11.345	11.346	9.000	744	1.602	-	11.346	11.346	9.000	744	1.602	11.346	0		
90	Trung tâm văn hóa phường Mố Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3924-31/12/2021	18.447	7.443	7.443	5.990	1.453	-	7.443	7.443	5.990	1.453	-	7.443	0		
91	Nhà văn hóa đa năng phường Bình Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	1038/07/06/2021	7.500	6.372	2.153	4.142	78	-	6.372	6.372	4.142	78	-	6.372	0		
92	Cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn hóa THA thành phố Sông Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3099-19/11/2021	2.938	2.789	2.496	293	-	-	2.789	2.789	2.496	293	-	2.789	0		
93	Giáo dục nghề nghiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	18.642	11.171	11.171	5.670	2.245	2.189	1.867	-	11.171	11.171	5.670	2.245	2.189	11.171	0	
94	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lương Sơn do dự án Quốc lộ 3 đi TDP Ngàn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	2091/09/2021-2494/21/02/2021	4.803	3.886	3.600	245	41	-	3.886	3.886	3.600	245	41	3.886	0		
95	Nâng cấp, cải tạo đường D106 đoạn từ xã Bình Sơn đi xã Thành Đức	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	456/23/0/2021	4.975	1.870	1.870	-	-	-	1.870	1.870	-	-	-	1.870	0		
96	Cải tạo, mở rộng tuyến phố Nguyễn Khuyến	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	19/12/2021-06/23/0/2023	8.863	5.415	200	2.000	2.148	1.067	5.415	5.415	200	2.000	2.148	5.415	0		
97	Công trình công cộng tại các xã	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	2.135	2.048	2.048	994	1.053	0	0	2.048	2.048	994	1.053	0	2.048	0		
98	Đường điện chiếu sáng các tuyến đường chính phía Tây phường Châu Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	214-21/9/2021	1.000	994	994	-	-	-	994	994	-	-	-	994	0		
99	Cải tạo khu công viên công cộng phường Bình Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3402/08/12/2021	726	695	695	-	-	-	695	695	-	-	-	695	0		
100	Cải tạo khu công viên công cộng phường Mố Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3403/08/12/2021	408	338	338	338	-	-	338	338	338	-	-	338	0		
101	Cải tạo khu công viên công cộng phường Mố Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	3403/08/12/2021	7.972	6.256	2.800	2.540	882	33	6.256	6.256	2.800	2.540	882	6.256	0		
102	Cải tạo khu công viên công cộng phường Mố Chè	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	631-12/4/2021	4.972	4.040	4.040	2.800	1.240	-	4.040	4.040	2.800	1.240	-	4.040	0		
103	Nhà để ở, đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đông Trường Lộ), nằm trong QH1 của Trung tâm hành chính Sông Công, Hàng mìn; Nhà A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2021-2023	930-08/6/2022	3.000	2.216	2.216	1.300	882	33	2.216	2.216	1.300	882	33	2.216	0		
104	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
105	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
106	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
107	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
108	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
109	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
110	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
111	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		
112	Phòng chức năng và nhà làm việc làm việc làm đơn vị TP Sông Công, Hàng mìn; Chi cục, tăng cấp tư xã Thành vì Sông Công	Ban chi ủy quản sự	2022-2024	02/26/10/2022	16.500	16.294	16.294	0	4.886	8.114	3.294	16.294	16.294	0	4.886	16.294	0		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2024 để giải ngân			Năm 2023					Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú												
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Kế hoạch phân bổ		Kế hoạch phân bổ			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm														
									Tổng chi	Tổng chi	Tổng chi	Tổng chi	Tổng chi					Tổng chi	Tổng chi	Tổng chi									
V15.5	Dự án dự kiến khởi công cuối năm 2024			364.000	0	213.171	242.003	10.690	0	10.290	231.372	112.686	0	0	15.000	44.000	51.480	7.206	7.206	1.000	29.892	0	242.003	0					
	Giao bằng đường bộ			95.000	0	75.000	75.000	8.066	0	8.066	66.934	20.000	0	0	15.000	30.000	934	0	1.000	1.000	0	0	75.000	0					
123	Cải tạo, nâng cấp đường CM78, thành phố Sông Công	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	95.000	0	75.000	75.000	8.066	0	8.066	66.934	20.000	0	0	15.000	30.000	934	0	1.000	1.000	0	29.892	0	167.063	0				
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			269.000	0	137.171	167.003	2.625	0	2.625	164.438	92.686	0	0	14.000	50.546	17.490	7.206	0	0	0	9.892	0	85.035	0				
124	Khu đô thị số 2, phường Chi Dàn	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	99.000	0	75.163	83.035	1.673	400	1.273	83.382	52.686	0	0	6.000	17.490	7.206	0	0	0	0	20.000	0	82.008	0				
125	Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đang triển khai xây dựng) - Khu B trong QH Khu trung tâm hành chính Sông Công - Khu B	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2025	170.000	0	62.008	82.008	932	0	932	81.036	40.000	0	0	8.000	31.036	0	0	0	0	0	29.371	29.437	368.259	47.159				
V15.5	Dự án dự kiến khởi công cuối năm 2025			1.178.569	0	368.345	311.100	1.235	0	1.235	319.863	99.631	0	0	122.498	0	0	0	0	0	0	14.300	0	96.300	0				
	Giao bằng đường bộ			339.100	0	82.000	96.300	0	0	0	96.300	46.300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	96.300	0				
126	Đường Trần Thủ Độ (từ đường CM78 đi đường Trần Hưng Đạo)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2025	238.000	0	32.000	32.000	0	0	0	32.000	32.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32.000	0				
127	Đường Cách mạng Tháng Mười (từ phố Bắc)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	86.100	0	30.000	30.000	0	0	0	30.000	30.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30.000	0				
128	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Trọng Tấn (đang triển khai xây dựng)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	700	0	700	700	0	0	0	700	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	0				
129	Cải tạo, nâng cấp đường Cách mạng Tháng Mười	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	8.000	0	8.000	8.000	0	0	0	8.000	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8.000	0				
130	Cải tạo, nâng cấp đường Lương Sơn - Thương Đức	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	3.100	0	2.400	2.400	0	0	0	2.400	2.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.400	0				
131	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Bình Sơn đi cầu Bình Sơn	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	1.200	0	1.200	1.200	0	0	0	1.200	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.200	0				
132	Cải tạo, nâng cấp đường từ Công viên Nà Vang	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	900	0	900	900	0	0	0	900	900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	900	0				
133	Cải tạo, nâng cấp đường WE3 và đường ĐH05	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	1.100	0	1.100	1.100	0	0	0	1.100	1.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100	0				
	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			753.148	0	223.611	183.186	843	0	843	183.342	12.278	0	0	122.498	0	0	0	0	0	0	0	0	5.566	6.734	0	230.345	47.159	
134	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 tại Bà Nuyễn (Xã Đông Khu tái định cư và xã Đông Sơn tại Bà Nuyễn)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2024-2028	232.696	0	100.000	60.000	0	0	0	60.000	60.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60.000	0	100.000	40.000		
135	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 tại Tân Quang (Xã Đông Khu tái định cư và xã Đông Sơn tại Tân Quang)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2024-2027	31.812	0	20.000	19.943	343	0	343	19.600	19.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	19.600	0	20.000	87		
136	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2 tại Tân Quang (Xã Đông Khu tái định cư và xã Đông Sơn tại Tân Quang)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2024-2028	292.861	0	50.000	42.898	0	0	0	42.898	42.898	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42.898	0	50.000	7.102		
137	Khu dân cư và khu tái định cư số 2 Bà Nuyễn, thành phố Sông Công	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2024-2026	29.748	0	11.111	15.845	0	0	0	15.845	10.278	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15.845	0	15.845	0	
138	Đất tái định cư thuộc dự án đường Cách mạng Tháng Mười (từ phố Bắc)	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	3.031	0	2.000	2.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	
139	Khu dân cư số 5, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2022-2024	139.000	0	40.300	40.300	500	0	0	40.300	40.300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40.300	0	40.300	0	
	Cải tạo hạ tầng khu dân cư đường Thống Nhất - Khu B	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2025-2027	2.000	0	2.000	2.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	
	Đầu tư xây dựng			30.648	0	12.000	12.000	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000	0	12.000	0	
141	Nghĩa trang xã Bà Nuyễn, xã Tân Quang	Huyện Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2023-2024	30.648	0	12.000	12.000	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000	0	12.000	0	
	Hợp đồng của cơ quan quản lý nhà nước về an ninh trật tự và an ninh			27.100	0	27.000	27.000	0	0	0	27.000	27.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	27.000	0	27.000	0	

Số: /NQ-HĐND

Sông Công, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 13)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 25 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: Số 104/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 10/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 52/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 55/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 5); số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 6); số 21/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 7); số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 8); số 18/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 9); số 34/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai

đoạn 2021 - 2025 (lần 10); số 63/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 11); số 05/NQ-HĐND ngày 20/3/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 12);

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2025 của UBND thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công (lần 13); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công (lần 13), cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1. Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Bổ sung nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách thành phố Sông Công từ 2.485.540 triệu đồng lên 2.492.746 triệu đồng, tăng 7.206 triệu đồng, trong đó:

- Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác từ nguồn vượt thu, kết dư ngân sách hàng năm... chi cho đầu tư từ 607.602 triệu đồng lên 614.808 triệu đồng, tăng 7.206 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố Sông Công

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn với số tiền là 92.057 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án với số tiền là 99.264 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công khoá VIII, Kỳ họp thứ 26 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.
THVP.Luyenlt.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Mai Khanh